Chi tiết mã HS 3826.00.10

Mã HS	3826.00.10
Mô tả hàng hóa	Diesel sinh học và hỗn hợp của chúng, không chứa hoặc chứa dưới 70% trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc dầu thu được từ các khoáng bi-tum / - Diesel sinh học, không chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ: / - - Este metyl từ dừa (CME) (SEN)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:13:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38260010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5545
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5545
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5545
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5415
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5376
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5376
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5376
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5376
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5376
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5376
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5420
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5420

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5420
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5420
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5420
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5420
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5418
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5418
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5418
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5418
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5418
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5418
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5420
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5382
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5378
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5378
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5378
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5378
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5378
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5378
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5387
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5387
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5387
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5387
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5387
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5387
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5428
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5428
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5428
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5428
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5428
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5429
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5429
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5429
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5429
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5429
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5429
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5432
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5432
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5432
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5432
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5432
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5432
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5401
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5401
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5401
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5401
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5401
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5401
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5403
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5403
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5403
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5403

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5403
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5403
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5401
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5401
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5401
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5401
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5401
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5401
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5401
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5422
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5422
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5422
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5422
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5422
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5422
RCEP B	2022	2022	0	B!D5422
RCEP B	2023	2023	0	B!E5422
RCEP B	2024	2024	0	B!F5422
RCEP B	2025	2025	0	B!G5422
RCEP B	2026	2026	0	B!H5422
RCEP B	2027	2027	0	B!I5422
RCEP C	2022	2022	0	C!D5422
RCEP C	2023	2023	0	C!E5422
RCEP C	2024	2024	0	C!F5422
RCEP C	2025	2025	0	C!G5422
RCEP C	2026	2026	0	C!H5422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5422
RCEP D	2022	2022	0	D!D5422
RCEP D	2023	2023	0	D!E5422
RCEP D	2024	2024	0	D!F5422
RCEP D	2025	2025	0	D!G5422
RCEP D	2026	2026	0	D!H5422
RCEP D	2027	2027	0	D!I5422
RCEP E	2022	2022	0	E!D5425
RCEP E	2023	2023	0	E!E5425
RCEP E	2024	2024	0	E!F5425
RCEP E	2025	2025	0	E!G5425
RCEP E	2026	2026	0	E!H5425
RCEP E	2027	2027	0	E!I5425
RCEP F	2022	2022	0	F!D5422
RCEP F	2023	2023	0	F!E5422
RCEP F	2024	2024	0	F!F5422
RCEP F	2025	2025	0	F!G5422
RCEP F	2026	2026	0	F!H5422
RCEP F	2027	2027	0	F!I5422
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4989
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4989
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4989
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4989

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3826.00 có 6 dòng thuế; dòng 3826.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Este metyl từ dừa (CME) (SEN).	3826.00.21 Có hàm lượng este metyl từ 96,5% trở lên nhưng không quá 98% (SEN); 3826.00.22 Có hàm lượng este metyl trên 98% (SEN); 3826.00.29 Loại khác (SEN); 3826.00.30 Loại khác; 3826.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3826.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3826.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5545), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.